



PHIẾU AN TOÀN DỮ LIỆU
Marshal 5 G

SDS # : 7623-A
Ngày sửa đổi: 2018-11-29
Format: AP
Phiên bản 3

Mục 1: LAI LỊCH SẢN PHẨM VÀ CÔNG TY

Tên Sản Phẩm	Marshal 5 G
(Các) Mã Sản Phẩm	7623-A
Từ đồng nghĩa	CARBOSULFAN (FMC 35001): 2,3-dihydro-2,2-dimethyl-7-benzofuranyl [(dibutylamino)thio]methylcarbamate (CAS name); 2,3-dihydro-2,2-dimethylbenzofuran-7-yl (dibutylaminothio)methylcarbamate (IUPAC name)
Active Ingredient(s)	Carbosulfan
Họ Hóa Chất	Carbamate Pesticide
Mục Đích Sử Dụng Được Đề Nghị	Thuốc trừ sâu.
Hạn chế sử dụng	Sử dụng theo khuyến cáo của nhãn.

Nhà sản xuất

FMC Corporation
Agricultural Solutions
2929 Walnut Street
Philadelphia, PA 19104
General Information:
Phone: (215) 299-6000
E-Mail: msdsinfo@fmc.com

Đơn Vị Nhập Khẩu

FMC VIETNAM COMPANY LIMITED
No. 12 lot B, Thong Nhat Road
Song Than 2 Industrial Zone
Di An Ward, Di An Town
Binh Duong Province
Vietnam
Phone: (+84) 0274 3790503
Fax: (+84) 0274 3790501

Số điện thoại khẩn cấp

Medical Emergencies:
1 800 / 331-3148 (U.S.A. & Canada)
1 651 / 632-6793 (All Other Countries - Collect)

For leak, fire, spill or accident emergencies, call:
1 800 / 424-9300 (CHEMTREC - U.S.A.)
1 703 / 741-5970 (CHEMTREC - International)
1 703 / 527-3887 (CHEMTREC - Alternate)

Mục 2: NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT

GHS Phân loại

Độc tính cấp tính - Qua miệng	Cấp 4
Độc tính cấp tính - Qua da	Cấp 5
Khả năng gây ung thư	Cấp 1A
STOT - tiếp xúc một lần	Cấp 1
Độc tính đối với cơ quan mục tiêu cụ thể (tiếp xúc lặp lại)	Cấp 1
Độc tính cấp tính đối với môi trường nước	Cấp 1
Độc tính lâu dài cho môi trường nước	Cấp 1

Các Thành Phần Của Nhãn



Từ Cảnh Báo

Nguy hiểm

Cảnh Báo Nguy Cơ

H302 - Có hại nếu nuốt phải
 H313 - Có thể có hại khi tiếp xúc với da
 H410 - Rất độc đối với sinh vật thủy sinh với ảnh hưởng kéo dài
 H350 - Có thể gây ung thư
 H370 - Gây tổn thương cho các cơ quan
 H372 - Gây tổn thương cho các cơ quan khi bị tiếp xúc trong thời gian dài hoặc lặp lại

Tiêu Ngữ Đề Phòng - Phòng Ngừa

P264 - Rửa mặt, tay và mọi phần da bị tiếp xúc cẩn thận sau khi thao tác
 P270 - Không ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng sản phẩm này
 P261 - Tránh hít bụi/khói/khí/sương/hơi/bụi xịt
 P272 - Quần áo làm việc bị nhiễm không được mang ra khỏi nơi làm việc
 P280 - Sử dụng găng tay bảo hộ
 P273 - Tránh phóng thích ra môi trường
 P202 - Không được thao tác khi chưa đọc và hiểu tất cả các biện pháp đề phòng an toàn
 P280 - Sử dụng găng tay bảo hộ/quần áo bảo hộ/phương tiện bảo vệ mắt/mặt
 P260 - Không hít bụi/khói/khí/sương/hơi/bụi xịt
 P280 - Đeo kính mắt/kính che mặt bảo hộ

Tiêu Ngữ Đề Phòng - Ứng Phó

P301 + P312 - **NẾU NUỐT PHẢI:** Gọi cho TRUNG TÂM CHẤT ĐỘC hoặc bác sĩ nếu bạn cảm thấy không khỏe
 P330 - Súc miệng
 P308 + P313 - Nếu bị phơi nhiễm hoặc có băn khoăn: Tìm kiếm sự chăm tư vấn/ chăm sóc y tế
 P314 - Xin ý kiến của thầy thuốc/ sự chăm sóc y tế nếu bạn cảm thấy không khỏe
 P302 + P352 - **NẾU BỊ DÍNH VÀO DA:** Rửa bằng nhiều nước và xà phòng
 P333 + P313 - Nếu bị kích ứng da hoặc nổi mụn: Tìm y tế hướng dẫn/chăm sóc
 P363 - Giặt sạch quần áo đã bị nhiễm trước khi sử dụng lại
 P301 + P312 - **NẾU NUỐT PHẢI:** Gọi cho TRUNG TÂM CHẤT ĐỘC hoặc bác sĩ nếu bạn cảm thấy không khỏe
 P330 - Súc miệng
 P391 - Thu gom lượng tràn đổ

Tiêu Ngữ Đề Phòng - Bảo Quản

P405 - Bảo quản khóa chặt

Tiêu Ngữ Đề Phòng - Thái Bỏ

P501-Vứt bỏ nội dung / thùng chứa theo hướng dẫn trên nhãn

Thông tin khác

Chưa được biết.

Mục 3: THÀNH PHẦN CẤU TẠO/THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN

Từ đồng nghĩa CARBOSULFAN (FMC 35001): 2,3-dihydro-2,2-dimethyl-7-benzofuranyl [(dibutylamino)thio]methylcarbamate (CAS name); 2,3-dihydro-2,2-dimethylbenzofuran-7-yl (dibutylaminothio)methylcarbamate (IUPAC name)

Tên hóa chất	Số CAS	Phần trăm trọng lượng
Carbosulfan	55285-14-8	5
Crystalline silica, quartz	14808-60-7	80-90
Synthetic amorphous silica	112926-00-8	<5
Carbofuran	1563-66-2	<0.5

Mục 4: CÁC BIỆN PHÁP SƠ CỨU

Hít phải	Di chuyển ra nơi có không khí trong lành. Nếu khó thở hoặc khó chịu khi thở và vẫn tồn tại, hãy nhận được sự chăm sóc y tế.
Tiếp xúc Với Da	Cởi bỏ quần áo đã bị nhiễm. Rửa ngay da với nhiều nước trong 15-20 phút. Gọi trung tâm kiểm soát chất độc hay bác sĩ để xin hướng dẫn điều trị.
Tiếp xúc Với Mắt	Giữ đôi mắt mở và rửa sạch từ từ và nhẹ nhàng với nước trong 15 đến 20 phút. Tháo kính áp tròng, nếu có, sau 5 phút đầu tiên, sau đó tiếp tục rửa mắt. Gọi trung tâm kiểm soát chất độc hay bác sĩ để xin hướng dẫn điều trị.
Ăn phải	Gọi cho trung tâm kiểm soát chất độc hoặc bác sĩ ngay để được tư vấn điều trị. Uống 2 ly nước và gây nôn bằng cách chạm vào cổ họng bằng ngón tay. Không gây nôn hoặc cho bất cứ điều gì bằng miệng cho người bất tỉnh.
Các triệu chứng và tác dụng quan trọng nhất, cả cấp tính và chậm xuất hiện	Các triệu chứng phơi nhiễm quá mức bao gồm nhức đầu, nhẹ đầu, yếu, đau quặn bụng, buồn nôn, tiết nước bọt quá mức, mờ mắt, chảy nước mắt, học sinh pin-point, màu da xanh, co giật, run và hôn mê.
Bảo vệ người sơ cứu	Sử dụng các thiết bị bảo hộ cá nhân. Xem Mục 8 để biết thêm chi tiết.
Dấu hiệu cần chăm sóc y tế ngay lập tức và điều trị đặc biệt, nếu cần	Sản phẩm này chứa chất ức chế cholinesterase có thể đảo ngược. Atropine sulfate là thuốc chống trầm cảm. Nếu người lớn - bắt đầu điều trị bằng cách tiêm 2 mg atropin tiêm tĩnh mạch hoặc tiêm bắp, nếu cần, và lặp lại với 0,4 - 2,0 mg atropine trong khoảng 15 phút cho đến khi atropinization xảy ra (nhịp tim nhanh, đỏ bừng, khô miệng, giãn đồng tử); Trẻ em dưới 12 tuổi - liều ban đầu = 0,05 mg / kg thể trọng và liều lặp lại = 0,02 - 0,05 mg / kg thể trọng. Sử dụng oxime như 2-PAM là gây tranh cãi. Quan sát bệnh nhân để đảm bảo rằng những triệu chứng này không tái phát khi atropinization hết. Nếu trong mắt, thẩm nhuần một giọt homatropine. Điều trị bằng cách khác là kiểm soát việc loại bỏ tiếp xúc, sau đó là chăm sóc có triệu chứng và hỗ trợ.

Mục 5: CÁC BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

Chất Chữa Cháy Phù Hợp	Bột. Carbon dioxide (CO2). Hóa chất khô. Dòng nước ngọt hoặc sương mù chỉ khi cần thiết.
Chất chữa cháy không phù hợp	Không có thông tin
Hiểm họa Đặc Biệt Phát Sinh từ Hóa Chất	Các thành phần khô hoặc bột là dễ cháy. Việc phân tán bụi được phân chia mịn từ các sản phẩm vào không khí có thể tạo thành hỗn hợp dễ cháy và dễ nổ. Giảm thiểu phát sinh bụi trong không khí và loại bỏ các nguồn gây cháy.
Trang bị bảo hộ và biện pháp đề phòng cho nhân viên chữa cháy	Cô lập khu vực cháy. Đánh giá upwind. Như trong bất kỳ đám cháy, thiết bị thở khép kín và thiết bị bảo vệ đầy đủ. Cô lập khu vực cháy.

Mục 6: CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ RÒ RỈ BẤT NGỜ

Các Biện Pháp Đề Phòng Cá Nhân	Cô lập và sau khi tràn khu vực. Loại bỏ tất cả các nguồn gây cháy. Sử dụng trang phục bảo hộ, găng tay và kính mắt/kính che mặt thích hợp. Để bảo vệ cá nhân, xem phần 8.
Khác	Để biết thêm hướng dẫn dọn dẹp, hãy gọi Đường dây nóng khẩn cấp FMC được liệt kê trong Phần 1 "Xác định sản phẩm và công ty" ở trên.
Các Biện Pháp Đề Phòng Cho Môi Trường	Giữ người và động vật cách xa và hướng gió ngược lên / rò rỉ. Giữ nguyên vật liệu ra khỏi hồ, suối, ao, và cống rãnh thoát nước. Tránh xa các kênh rạch.
Các Phương Pháp Ngăn Chặn	Sử dụng một hợp chất quét ướt hoặc nước để ngăn ngừa sự hình thành bụi. Để hạn chế tràn và hấp thụ với chất hấp thụ không dễ cháy như đất sét, cát hoặc đất. Hút chân không, xẻng hoặc bơm chất thải vào một trống và nhân nội dung để xử lý.

Các phương pháp làm sạch Làm sạch và trung hòa khu vực tràn, dụng cụ và thiết bị để tiếp xúc tối thiểu một giờ với dung dịch rượu dấm, sau đó bằng xà phòng và nước tẩy. Hấp thụ nước rửa và thêm vào chất thải đã thu gom. Chất thải cần phải được phân loại và dán nhãn trước khi tái chế hoặc loại bỏ. Vứt bỏ chất thải như được chỉ ra trong Phần 13.

Mục 7: THAO TÁC VÀ BẢO QUẢN

Thao tác Thao tác theo tiêu chuẩn thực hiện tốt vệ sinh và an toàn. Không làm ô nhiễm các loại thuốc trừ sâu, phân bón, nước, thực phẩm hoặc thức ăn khác bằng cách cất giữ hoặc thải bỏ.

Cất giữ Giữ dụng cụ đựng ở nơi khô, mát, thông khí tốt. Tránh xa ngọn lửa trần, các bề mặt nóng và nguồn lửa. Để xa tầm với của trẻ em và động vật. Chỉ giữ/bảo quản trong dụng cụ đựng ban đầu.

Vật liệu cần tránh Acid Các chất oxy hóa mạnh, Các acid mạnh, Các kiềm mạnh.

Mục 8: KIỂM SOÁT TIẾP XÚC/BẢO VỆ CÁ NHÂN

Các Giới Hạn Tiếp Xúc

Component	Trung Quốc	Nhật Bản	Hàn Quốc	Úc	Đài Loan
Crystalline silica, quartz 14808-60-7 (80-90)	TWA: 0.7 mg/m ³ TWA: 0.3 mg/m ³ TWA: 1 mg/m ³ TWA: 0.5 mg/m ³ TWA: 0.2 mg/m ³ STEL: 1.4 mg/m ³ STEL: 0.6 mg/m ³ STEL: 2 mg/m ³ STEL: 1 mg/m ³ STEL: 0.4 mg/m ³ C1	OEL: 0.03 mg/m ³ C1	TWA: 0.05 mg/m ³	TWA 0.1 mg/m ³	
Synthetic amorphous silica 112926-00-8 (<5)	TWA: 5 mg/m ³ STEL: 10 mg/m ³		TWA: 10 mg/m ³	TWA 10 mg/m ³	
Carbofuran 1563-66-2 (<0.5)			TWA: 0.1 mg/m ³	TWA 0.1 mg/m ³	STEL 0.3 mg/m ³

Các biện pháp kỹ thuật Áp dụng các biện pháp kỹ thuật để đạt được các giới hạn tiếp xúc nghề nghiệp. Khi làm việc trong các không gian kín (xe tăng, thùng chứa, vv), đảm bảo rằng có một nguồn cung cấp không khí thích hợp để thở và đeo thiết bị được đề nghị.

Trang bị bảo hộ cá nhân

Bảo Vệ Đường Hô Hấp Sản phẩm không tự động gây phiền toái khi tiếp xúc với không khí khi vận chuyển bình thường. Trong trường hợp xả vô tình vật liệu tạo ra hơi nặng hoặc sương mù, người lao động nên đặt thiết bị bảo hộ hô hấp chính thức được chấp thuận với một loại bộ lọc phổ quát bao gồm cả bộ lọc hạt.

Bảo Vệ Tay Mang găng tay bảo hộ hóa học được làm bằng các vật liệu như nitrile hoặc cao su tổng hợp.

Biện Pháp Bảo Vệ Mắt/Mặt Đối với bụi, giặt gụ, sương mù hoặc phun phơi, hãy mang kính bảo hộ hóa chất.

Phương Tiện Bảo Vệ Da và Cơ Thể Mặc áo sơ mi dài tay, quần dài, vớ và giày.

Các biện pháp vệ sinh Cần có nước sạch để rửa trong trường hợp bị ô nhiễm mắt hoặc da. Rửa da trước khi ăn, uống, nhai kẹo cao su hoặc sử dụng thuốc lá. Tắm vào cuối ngày làm việc. Cởi và rửa quần áo nhiễm bẩn trước khi tái sử dụng. Launder quần áo làm việc riêng biệt với đồ dùng gia đình thông thường.

Mục 9: CÁC TÍNH CHẤT VẬT LÝ VÀ HÓA HỌC

Trạng Thái Vật Lý	Bột khô, Rắn
Ngoại quan	Đỏ Hạt
Mùi	Yếu Phenol
Màu	Đỏ
Ngưỡng phát hiện mùi	Không có thông tin
pH	Không có thông tin
Điểm chảy/điểm đông	Không có thông tin
Điểm sôi / Phạm vi	Không có thông tin
Điểm chớp cháy	Không có thông tin
Tốc Độ Bay Hơi	Không có thông tin
Khả năng cháy (rắn, khí)	Không có thông tin
Giới Hạn Cháy trong Không Khí	
Giới hạn nồng độ cháy trên:	Không có thông tin
Giới hạn cháy dưới:	Không có thông tin
Áp suất hơi	Không có thông tin
Tỷ trọng hơi	Không có thông tin
Khối lượng riêng	Không có thông tin
Độ tan trong nước	Không có thông tin
(Các) độ hòa tan	Không có thông tin
Hệ số phân tách	Không có thông tin
Nhiệt độ tự bốc cháy	Không có thông tin
Nhiệt độ phân hủy	Không có thông tin
Tính nhớt, động lực học	Không có thông tin
Tính nhớt, tính động	Không có thông tin
Tỷ trọng	85 - 89 lb/ft ³
Khối Lượng Riêng Thể Xốp	Không có thông tin

Mục 10: ĐỘ BỀN VÀ KHẢ NĂNG PHẢN ỨNG

Khả năng hoạt động của hóa chất	Không có trong điều kiện sử dụng bình thường
Độ bền	Bền với điều kiện sử dụng theo hướng dẫn
Phản ứng nguy hại	Tiếp xúc với axit nước có thể tạo ra carbofuran.
Polyme hóa gây nguy hiểm	Phản ứng polyme hóa nguy hiểm không xảy ra.
Các điều kiện cần Tránh	Nhiệt quá mức. Nguy cơ nổ cực cao do va chạm, ma sát, lửa hoặc các nguồn gây cháy khác.
Sản phẩm không tương thích	Các chất oxy hóa mạnh, Các acid mạnh, Các kiềm mạnh.
Các Sản Phẩm Phân Hủy Nguy Hại	Cháy sinh khói gây khó chịu và độc: Các Cacbon oxyt, Các oxyt của lưu huỳnh, Các oxyt nitơ (NOx).

Mục 11: THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Độc tính cấp tính

Các số đo độc tính - Thông Tin Về Sản Phẩm

LD50 đường miệng	905 mg/kg (chuột)
LD50 đường da	> 2000 mg/kg (thỏ)
LC50 (Nồng độ bán tử) qua hô hấp	> 4.78 mg/l 4 hr (chuột)
Ăn mòn/kích ứng da	Kích thích nhẹ nhàng.
Tổn thương/kích ứng mắt nghiêm trọng	Không có thông tin.
Nhạy	Không nhạy cảm.

Các tác dụng chậm xuất hiện và xuất hiện tức thời cũng như tác dụng trường diễn do tiếp xúc ngắn hạn và lâu dài

Khả năng gây đột biến	Carbosulfan, Carbofuran: Không độc với gen trong các nghiên cứu trên động vật.
Khả năng gây ung thư	Carbosulfan, Carbofuran: Không có bằng chứng về khả năng gây ung thư từ các nghiên cứu trên động vật. Sản phẩm này có chứa silic dioxyt tinh thể (thạch anh) ở dạng không thể hít phải được. Chắc chắn không thể xảy ra việc hít phải silic dioxyt tinh thể khi tiếp xúc với sản phẩm này. nếu hạt được nghiền thành bột hoặc nghiền thành bột mịn, có thể hít phải, tiếp xúc với silica qua đường hô hấp là có thể xảy ra.
Độc tính sinh sản	Carbosulfan, Carbofuran: Không có độc tính với sinh sản.
Độc tính tăng trưởng	Carbosulfan: Gây ra sự không đầy đủ hóa thạch của bào thai và các biến thể của tàu lớn trong các nghiên cứu trên động vật. Carbofuran: Không gây quái thai trong các nghiên cứu trên động vật.
STOT - tiếp xúc một lần STOT - tiếp xúc nhiều lần	Gây tổn thương cho các cơ quan. Xem mục tiêu được liệt kê bên dưới. Gây tổn thương cho các cơ quan khi bị tiếp xúc trong thời gian dài hoặc nhiều lần. Xem mục tiêu được liệt kê bên dưới.
Độc tính trường diễn	Tiếp xúc lâu dài với bụi silic có thể làm tăng nguy cơ phát triển bệnh viêm phổi hoặc silic, đặc trưng bởi chấn thương phổi mãn tính, đặc trưng bởi thở khó thở, ho, giảm khả năng phổi, mở rộng tim và thất bại.
Tác dụng trên cơ quan mục tiêu	Hệ thần kinh, Acetylcholinesterase ức chế, Bàng quang, Đường dạ dày-ruột (GI), Tế bào máu đỏ.
Tác dụng trên thần kinh	Carbosulfan, Carbofuran: Tiếp xúc kinh niên với động vật trong phòng thí nghiệm đã gây ra hoạt động cholinesterase giảm (hồng cầu, huyết tương và / hoặc não).
Nguy cơ sắc phải	Không có thông tin.

Tên hóa chất	Trung Quốc	IARC (Cơ Quan Nghiên Cứu Ung Thư Quốc Tế)
Crystalline silica, quartz		Group 1
Synthetic amorphous silica		Group 3

IARC (Cơ Quan Nghiên Cứu Ung Thư Quốc Tế) Nhóm 1 - Gây ung thư cho Người

Mục 12: THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

Độc tính sinh thái

Tác động môi trường của chất này chưa được nghiên cứu đầy đủ.

Rất độc cho các thủy sinh vật với các tác dụng lâu dài.

Carbosulfan (55285-14-8)				
Active Ingredient(s)	Duration	Loài	Giá trị	Đơn vị
Carbosulfan	48 h EC50	Giáp xác	1.5	µg/l
	72 h EC50	Tảo	47	mg/l
	96 h LC50	Cá	0.015	mg/l
	21 d NOEC	Giáp xác	3.2	µg/l
	21 d NOEC	Cá	3.0	µg/l

Carbofuran (1563-66-2)				
Active Ingredient(s)	Duration	Loài	Giá trị	Đơn vị
Carbofuran	48 h EC50	Giáp xác	0.75	mg/l
	72 h EC50	Tảo	19	mg/l
	96 h LC50	Cá	0.18	mg/l
	21 d NOEC	Giáp xác	0.23	µg/l
	96 h NOEC (Nồng độ cao nhất không quan	Tảo	3.2	mg/l

	sát thấy tác dụng)			
	21 d NOEC	Cá	5.22	µg/l

Độ bền vững và độ phân hủy	Carbosulfan: Không kiên trì. Dễ dàng thủy phân. Không dễ dàng bị phân hủy sinh học. Carbofuran: Không liên tục. Không dễ dàng thủy phân. Không dễ phân huỷ sinh học.
Tích lũy sinh học	Carbosulfan: Chất có một số tiềm năng tích lũy sinh học trong môi trường. Carbofuran: Chất này không có tiềm năng sinh học.
Khả năng di chuyển	Carbosulfan: Hơi di động. Không được dự kiến sẽ tiếp cận với nước ngầm. Carbofuran: Điện thoại di động vừa phải; dự kiến sẽ tiếp cận với nước ngầm.
Các Tác Dụng Có Hại Khác	Không có thông tin.

Mục 13: XEM XÉT VỀ VIỆC THẢI BỎ

Các phương pháp tiêu hủy chất thải Xử lý thuốc trừ sâu dư thừa, xịt hỗn hợp, hoặc rửa lại là bị cấm. Nếu những chất thải này không thể xử lý bằng cách sử dụng theo hướng dẫn nhãn, liên hệ cơ quan xử lý thích hợp để được hướng dẫn. Phải mang thiết bị bảo vệ cá nhân phù hợp, như được mô tả trong Phần 7 và 8, trong khi xử lý vật liệu để xử lý chất thải.

Bao Bì Đã Bị Nhiễm Các thùng chứa phải được xử lý theo quy định của địa phương, tiểu bang và liên bang. Tham khảo nhãn sản phẩm để biết hướng dẫn xử lý.

Mục 14: THÔNG TIN VỀ VẬN CHUYỂN

IMDG/IMO

Số UN/Mã Định Danh (ID)	UN3077
Tên Vận Chuyển Đường Biển	Chất độc hại về môi trường, rắn, n.o.s.
Nhóm hiểm họa	9
Nhóm Đóng Gói	III
EmS No.	F-A, S-F
Chất Ô Nhiễm Biển	Carbosulfan, Carbofuran

ICAO/IATA

Số UN/Mã Định Danh (ID)	UN3077
Tên Vận Chuyển Đường Biển	Chất độc hại về môi trường, rắn, n.o.s.
Nhóm hiểm họa	9
Nhóm Đóng Gói	III
Chất Ô Nhiễm Biển	Carbosulfan, Carbofuran

Mục 15. THÔNG TIN VỀ QUY ĐỊNH

Các Danh Mục Quốc Tế

Thực phẩm, phụ gia thực phẩm, ma túy, mỹ phẩm hoặc thiết bị khi sản xuất, chế biến hoặc phân phối trong thực phẩm để sử dụng, phụ gia thực phẩm, thuốc, mỹ phẩm hoặc thiết bị có thể không phải tuân thủ các yêu cầu thông báo của địa phương. Kiểm tra các quy định địa phương để biết thêm thông tin.

Tên hóa chất	Đạo Luật Kiểm Soát Chất Độc - TSCA (Hoa Kỳ)	Danh Mục Hóa Chất Nội Địa - DSL (Canada)	EINECS/ELIN CS (Europe)	Danh Mục Hóa Chất Hiện Hành và Hóa Chất Mới - ENCS (Nhật)	Trung Quốc (IECSC)	KECL (Korea)	Danh Mục Hóa Chất và Các Chất Hóa Học của Philipin -	Danh Mục Hóa Chất - AICS (Úc)
--------------	---	--	-------------------------	---	--------------------	--------------	--	-------------------------------

							PICCS (Philippin)	
Carbosulfan 55285-14-8			X			X		
Crystalline silica, quartz 14808-60-7	X	X	X	X	X	X	X	X
Synthetic amorphous silica 112926-00-8		X		X	X	X	X	X
Carbofuran 1563-66-2	X	X	X	X	X	X	X	X

TSCA - Danh Mục của Đạo Luật Kiểm Soát Chất Độc Hoa Kỳ Mục 8(b)

DSL/NDL - Danh Mục Hóa Chất Nội Địa/Danh Mục Hóa Chất Phi Nội Địa của Canada

EINECS/ELINCS - Danh Mục Hóa Chất Hiện Hành của Châu Âu/Danh Mục Hóa Chất Đã Được Thông Báo của Châu Âu

ENCS - Danh Mục Hóa Chất Hiện Hành và Hóa Chất Mới của Nhật Bản

IECSC - Danh Mục Hóa Chất Hiện Hành của Trung Quốc

KECL - Danh Mục Hóa Chất Hiện Hành và Hóa Chất Đã Đánh Giá của Hàn Quốc

PICCS - Danh Mục Hóa Chất và Các Chất Hóa Học của Philipin

AICS - Danh Mục Hóa Chất của Úc

Mục 16: THÔNG TIN KHÁC

Soạn Thảo Bởi

FMC Corporation

FMC Logo - Trademark of FMC Corporation

© 2018 FMC Corporation. All Rights Reserved.

Ngày sửa đổi:

2018-11-29

Chú thích về sửa đổi

(M) phần SDS được cập nhật.

Tuyên bố miễn trách

FMC Corporation tin rằng thông tin và tư vấn chứa các ứng dụng (bao gồm cả dữ liệu và báo cáo) là chính xác kể từ ngày này. Không BẢO ĐẢM PHÙ HỢP CHO MỌI MỤC ĐÍCH CỤ THỂ, BẢO ĐẢM ĐẢM BẢO HOẶC BẤT K OTHER BẢO ĐẢM KHÁC, NÓI BẬT HOẶC ĐƯỢC THỰC HIỆN, ĐƯỢC THỰC HIỆN LIÊN QUAN Hơn nữa, vì các điều kiện và phương pháp sử dụng nằm ngoài tầm kiểm soát của FMC, CUNG CẤP Ở đây. Thông tin này chỉ được đặt cho sản phẩm được chỉ định và có thể không áp dụng được khi sản phẩm đó được sử dụng kết hợp với bất kỳ vật liệu nào khác hoặc trong bất kỳ quy trình nào. Tổng công ty, công ty FMC từ chối bất kỳ và tất cả trách nhiệm pháp lý đối với bất kỳ kết quả nào thu được hoặc phát sinh từ việc sử dụng bất kỳ sản phẩm nào hoặc dựa vào thông tin đó.

Kết thúc Bản Thông Tin An Toàn